|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH**  **VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BLĐTBXH | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

DỰ THẢO

**THÔNG TƯ**

**Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

*Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, gồm: nội dung của cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; quản lý và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp* là tập hợp dữ liệu được số hóa thông tin về giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và quản lý gồm: dữ liệu chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; dữ liệu về cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; dữ liệu về người học; dữ liệu về kỹ năng nghề quốc gia và các dữ liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật.

2. *Tài khoản* trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp gồm hai thông tin chính là tên đăng nhập và mật khẩu để đăng nhập vào cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được giao cho người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại Điều 2 của Thông tư này thực hiện các hoạt động quản trị, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp của tổ chức, các nhân.

**Điều 4. Mục đích của cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Đẩy mạnh thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

**Điều 5. Nguyên tắc chung**

1. Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương và đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

2. Việc cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tại Điều 2 của Thông tư này. Các tổ chức, cá nhân tại Điều 2 cập nhật dữ liệu ban đầu, dữ liệu thay đổi, bổ sung vào cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

3. Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được kết nối, chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, cơ quan tổ chức có liên quan và người dân.

4. Cơ quan, tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp phải bảo đảm theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**NỘI DUNG CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 6. Danh mục cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

Danh mục cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, quản lý thống nhất trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

1. Cơ sở dữ liệu chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu về cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Cơ sở dữ liệu về người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp**.**

4. Cơ sở dữ liệu kỹ năng nghề quốc gia

**Điều 7. Nội dung của cơ sở dữ liệu chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Nội dung của Cơ sở dữ liệu chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm:

1. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: tên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ quan chủ quản; loại hình cơ sở; loại cơ sở; giấy đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; thông tin về trụ sở chính, địa điểm đào tạo (nếu có), các phân hiệu (nếu có); các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin ngành, nghề đào tạo: tên ngành nghề đào tạo, mã ngành nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh/năm, trình độ đào tạo.

3. Thông tin chương trình đào tạo gồm: thông tin về chương trình đào tạo; loại chương trình; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: thông tin về cơ sở vật chất; thiết bị dạy học; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

5. Thông tin tài chính gồm: thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu); các khoản chi, nộp ngân sách; trích lập quỹ; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin về kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp: năm kiểm định, tổ chức kiểm định, kết quả kiểm định.

7. Thông tin về thanh tra - kiểm tra: thông tin về các kết luận thanh tra - kiểm tra; khắc phục tồn tại, khuyết điểm của kết luận thanh tra- kiểm tra.

8. Thông tin khoa học và công nghệ gồm: sáng chế, giải pháp của đơn vị; chuyển giao công nghệ; hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ quản lý, nhà giáo, người học; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

9. Thông tin hợp tác quốc tế, hợp tác với doanh nghiệp gồm: các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; các chương trình, dự án hợp tác với doanh nghiệp; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

10. Các thông tin khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

**Điều 8. Nội dung của cơ sở dữ liệu về cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Nội dung của cơ sở dữ liệu về cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; giới tính; căn cước/căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp, nơi sinh); số điện thoại; thư điện tử (email); dân tộc; tôn giáo; quốc tịch; địa chỉ liên hệ; mã số chức danh viên chức giáo dục nghề nghiệp; biên chế/hợp đồng (ngày vào biên chế/ngày ký hợp đồng; loại hợp đồng); phân loại (cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên); chức vụ; ngoại ngữ (trình độ, ngôn ngữ); công nghệ thông tin; kỹ năng nghề để dạy thực hành; trình độ đào tạo (TS, ThS, ĐH, CĐ, TC, khác); học hàm, học vị (GS, PGS); chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; lý luận chính trị; quản lý nhà nước; chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; đơn vị/khoa/phòng ban; danh hiệu (nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, nghệ nhân…); nhiệm vụ giảng dạy; ngành nghề giảng dạy; đảng/ đoàn (ngày vào, ngày chính thức, nơi vào); khen thưởng, kỷ luật và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Nội dung của cơ sở dữ liệu về người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Nội dung của cơ sở dữ liệu về người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; nơi sinh; giới tính; căn cước/ căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp); số điện thoại; thư điện tử (email); dân tộc; tôn giáo; quốc tịch; địa chỉ liên hệ; đối tượng ưu tiên; thông tin học tập, nghiên cứu (đối tượng đầu vào, ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo, ngày nhập học, ngày tốt nghiệp); thông tin văn bằng (quyết định tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, số hiệu văn bằng, ngày cấp bằng tốt nghiệp, số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp); khen thưởng, kỷ luật; thông tin việc làm; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Nội dung của cơ sở dữ liệu kỹ năng nghề quốc gia**

Nội dung của cơ sở dữ liệu kỹ năng quốc gia nghề gồm:

1. Thông tin về tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia gồm: Thông tin chung, tên, địa chỉ loại hình giáo dục/doanh nghiệp, các thông tin về trụ sở chính, các trụ sở khác (nếu có), danh sách nghề được tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, lịch trình đánh giá kỹ năng nghề quốc gia hằng năm và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, căn cước/ căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp), nghề được cấp thẻ đánh giá viên, bậc trình độ kỹ năng nghề được đánh giá, ngày tháng năm được cấp thẻ đánh giá viên, cơ quan cấp thẻ đánh giá viên, người ký thẻ đánh giá viên; trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, đơn vị công tác và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin về người được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, căn cước/ căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp), số chứng chỉ, nghề, bậc trình độ, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, người ký chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tên trung tâm tham dự đánh giá kỹ năng nghề và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 11. Quy định kỹ thuật về dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

1. Quy định kỹ thuật về dữ liệu quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 của Thông tư này; quy định quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục giáo dục nghề nghiệp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo các phiên bản và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phần mềm quản lý ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp ở địa phương được hỗ trợ kết nối và trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

3. Danh sách các phần mềm quản lý giáo dục nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục nghiệp, cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu và quy định kỹ thuật về kết nối trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 12. Tài khoản trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

Tài khoản trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) cấp cho tổ chức, cá nhân dùng để quản trị, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

1. Tài khoản quản trị:

Tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) quản lý.

2. Tài khoản cập nhật, khai thác sử dụng dữ liệu:

- Tài khoản cấp cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đăng nhập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thực hiện việc cập nhật dữ liệu; khai thác, theo dõi, sử dụng dữ liệu.

- Tài khoản cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để đăng nhập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thực hiện việc sử dụng, theo dõi, rà soát, kiểm tra tính chính xác của các thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa bàn trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cá nhân được giao tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.

**Điều 13. Cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

1. Việc cập nhật dữ liệu quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 của Thông tư này trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được thực hiện qua tài khoản đã được cung cấp và theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chậm nhất 15 ngày kể từ khi có dữ liệu phát sinh, thay đổi các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải thực hiện cập nhật dữ liệu phát sinh, thay đổi lên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 14. Khai thác, sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp**

1. Các nội dung trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có giá trị pháp lý trong quản lý giáo dục nghề nghiệp.

2. Hình thức khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua tài khoản được cấp, qua trục kết nối trao đổi dữ liệu hoặc văn bản.

3. Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có nhu cầu sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

5. Đối với thông tin liên quan các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: việc báo cáo, khai thác, sử dụng thông tin cần đảm bảo quy định về bảo mật thông tin an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng cơ sở dữ liệu giáo nghề nghiệp**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) cung cấp tài liệu điện tử về hướng dẫn sử dụng và các tài liệu liên quan phục vụ nhu cầu tập huấn, hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp của người dùng; tiếp nhận thông tin yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng.

2. Việc tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương do địa phương và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo điều kiện và nhu cầu.

3. Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện sự cố kỹ thuật liên quan đến cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục nghiệp, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) để có biện pháp xử lý kịp thời.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và có trách nhiệm đôn đốc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa bàn cập nhật cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; rà soát, kiểm tra tính chính xác của các thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý tại địa bàn trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

2. Chỉ đạo, phân công các phòng, bộ phận chuyên môn phụ trách quản lý, kiểm duyệt, thực hiện báo cáo và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định.

3. Báo cáo tình hình quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

4. Trong trường hợp địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp phục vụ nhu cầu quản lý riêng, phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Căn cứ vào nhu cầu đặc thù và điều kiện thực tế để xác định sự cần thiết đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương.

b) Cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp ở địa phương phải tuân thủ quy định kỹ thuật về dữ liệu và kết nối được với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

**Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.**

1. Tổ chức số hóa, xây dựng và đưa vào sử dụng các hệ thống phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu quản lý, quản trị và kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

2. Cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin vào cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Kiểm soát việc cung cấp và khai thác thông tin của các cá nhân thuộc phạm vi đơn vị được giao quản lý tài khoản sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác**

Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm sử dụng thông tin, dữ liệu giáo dục nghề nghiệp theo đúng mục đích và trong phạm vi được phân quyền; chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin, tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp đã được cấp phát theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

**Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, hiệu trưởng các trường cao đẳng, Hiệu trưởng các trường trung cấp, Giám đốc các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Thủ trưởng các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chính phủ; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo; - Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH;  - Cổng TTĐT Bộ LĐTB&XH; - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;  - Các cơ sở GDNN, tổ chức đánh giá KNN;  - Lưu: VT, TCGDNN. | **BỘ TRƯỞNG** |